

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày 04-5-2021

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ni

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Tiền

Bà Trần Thị Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Mộng Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021, về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 17/3/2021.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp HP, xã ĐTA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 17/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau và được Ủy ban nhân dân xã TAK cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 21/6/2012. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được thời gian gian đầu, sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, cha mẹ hai bên đã hàn gắn tình cảm cho anh chị nhưng không thành; do không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị và anh D đã ly thân từ năm 2013. Nay do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có một con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 24/01/2012, cháu K hiện do anh D nuôi dưỡng, cháu K phát triển bình thường như

những đứa trẻ khác. Nay chị T đồng ý giao con cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định chị và anh D không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập anh D tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh D vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Nguyễn Văn D. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 24/01/2012 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn D, anh D cư trú tại ấp HP, xã ĐTA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Lê Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu ly hôn với anh D, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau và được Ủy ban nhân dân xã TAK cấp giấy

chứng nhận kết hôn ngày 21/6/2012 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống chị T và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đã ly thân từ năm 2013; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh D tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh D vắng mặt không có lý do thể hiện anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh D.

[4] Về con chung: Chị T xác định chị và anh D có một con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 24/01/2012. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 11/3/2021, cháu K xác định anh D chăm sóc cháu tốt và cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh D; chị T cũng xác định cháu K phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Xét thấy: Cháu K hiện do anh D nuôi dưỡng, cuộc sống đang ổn định, cần giữ nguyên để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu, do đó tiếp tục giao cháu K cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định chị và anh D không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 24/01/2012 cho anh Nguyễn Văn D tiếp tục chăm sóc, giáo dục. Chị Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Lê Thị T phải chịu. Chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số

0011511 ngày 15/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã TAK, ĐD, Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Ni**

